

# Bước đầu tiên để chinh phục IELTS Listening

- Nắm được quy tắc phát âm cơ bản (cách phát âm của các từ, cách nối âm, cách sử dụng trọng âm, ngữ điệu khi nói).

*Chú thích:* Tham khảo phần hướng dẫn Speaking.

- Luyện nghe từ cơ bản đến nâng cao (chú ý nghe nhiều loại giọng trong tiếng Anh như Anh Anh, Anh Mỹ, Anh Úc,... và các nguồn có transcript để có thể luyện cả phát âm).

➤ **Cơ bản (khoảng 4.0 IELTS trở xuống)**

- **Anh Mỹ:**

VOA Learning English ([learningenglish.voanews.com](http://learningenglish.voanews.com))

- **Anh Anh:**

BBC 6 Minute English

([bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/general/sixminute](http://bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/general/sixminute)),

British Council podcasts

(<http://learnenglish.britishcouncil.org/en/elementary-podcasts>),

British Council Video zone

([learnenglishteens.britishcouncil.org/study-break/video-zone](http://learnenglishteens.britishcouncil.org/study-break/video-zone))

- **Anh Úc:**

Australian Network ([australiannetwork.com](http://australiannetwork.com))

➤ **Trung cấp (khoảng 4.0 - 5.5)**

- **Anh Mỹ:** VOA Learning English

- **Anh Anh:**

BBC 6 Minute English

([bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/general/sixminute](http://bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/general/sixminute))

British Council Video zone

([learnenglishteens.britishcouncil.org/study-break/video-zone](http://learnenglishteens.britishcouncil.org/study-break/video-zone))

- **Anh Úc:** Australian Network ([australiannetwork.com](http://australiannetwork.com))

- **Nâng cao (khoảng 6.0 trở lên)**
  - **Nhiều loại giọng: TED (ted.com)**
  - **Anh Anh: BBC (bbc.co.uk)**
  - **Anh Mỹ: CNN (cnn.com)**
  - Xem các phim tiếng Anh
  
- Các bạn ở trình độ cơ bản đến trung cấp (dưới 6.0) có thể sử dụng các nguồn dưới đây để chép chính tả, tức là chép lại tất cả những gì trong đoạn băng, có thể vừa chép, vừa dừng băng lại. Với những từ không nghe rõ, có thể bỏ trống và xem lại với phần tapescript sau.

# LUYỆN TẬP

- Làm quen, nắm chắc các bước làm bài và luyện tập với cách làm của từng dạng bài trong IELTS Listening. Với những dạng bài nào còn yếu, luyện thêm các bài tập ở dạng đó.
- Luyện tập bài thi hoàn chỉnh. Trong khi luyện tập, chú ý ngoài việc kiểm tra đáp án, kiểm tra xem mình mắc lỗi sai gì và ghi chép lại để sau này không lặp lại.

## Cách ghi chép lỗi:

- Với lỗi sai chính tả hoặc không biết từ, cần học và ghi chép lại các từ đó để nhớ sau này.
- Với lỗi sai do phát âm, cần xem lại cách phát âm và tự sửa lại.
- Với các lỗi sai do cách làm bài: ví dụ như không chú ý tới các chi tiết quan trọng (key words), mất tập trung trong khi nghe, bị mắc bẫy... cần xem lại cách làm bài và chú ý hơn khi luyện tập.

***Q1. Trong khi nghe có rất nhiều từ em không biết. Em phải làm thế nào?***

**A1:** Mở rộng vốn từ vựng của mình. Có thể học bằng chính những từ gặp phải trong khi luyện tập. Ngoài ra có thể sử dụng các tài liệu bên ngoài như English Academic Vocabulary in use, English Collocations in use, Check your vocabulary for IELTS. Với mỗi từ đã học, lấy ví dụ theo các văn cảnh khác nhau để biết cách áp dụng và ghi chép lại, có thể sử dụng flashcard giấy hoặc online trên website Quizlet.



A2: Sử dụng ngữ cảnh của bài nghe để đoán nghĩa của từ. Thông thường, chúng ta có thể đoán nghĩa của từ dựa trên các dấu hiệu sau:

Nhắc lại	Giải thích, diễn đạt lại từ	Các từ đưa ra dấu hiệu giải thích	Đưa ví dụ
<p><b>Người nói có thể sẽ nhắc lại từ đó một vài lần trong bài, từ đó chúng ta có thể suy đoán ra ý nghĩa</b></p>	<p>Người nói có thể sẽ giải thích, diễn đạt lại từ đó bằng cách nói các cụm sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• By that, I mean...</li> <li>• What I'm talking about here is ...</li> <li>• In other words, ...</li> </ul>	<p>Người nói có thể đưa ra một số dấu hiệu để giải thích định nghĩa từ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• This refers to ...</li> <li>• This means ...</li> <li>• That's a(n) ...</li> <li>• I think a definition is in order here.</li> </ul>	<p>Khi muốn giải thích rõ hơn, người nói có thể đưa ví dụ bằng cách nhắc đến các từ/cụm từ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• like</li> <li>• such as</li> <li>• you know</li> </ul>

***Q2: Em thường bị mất phương hướng trong bài nghe, không xác định được người nói đang nhắc đến vấn đề gì?***

**A1:** Chú ý tới các từ thể hiện dấu hiệu trong bài nói (signpost words)

Một số signpost words phổ biến như:

- ✓ *Giới thiệu vấn đề:*
  - Today we are going to talk about/discuss...
  - I'd like to start by...
  - Let's begin by...
  - First of all, I'll...
  - Starting with...
  - I'll begin by...

- ✓ *Giới thiệu cấu trúc bài nói:*
  - In today's lecture I'm going to cover three points.
  - I'm going to divide this talk into three parts.
  - First we'll look at..... Then we'll go on to ... And finally I'll...
  
- ✓ *Sắp xếp thứ tự các ý trong bài nói:*
  - Firstly...secondly...thirdly...lastly...
  - First of all...then...next...after that...finally...
  - To start/begin with...later...to finish up...

- ✓ *Chuyển ý*
- Now .....
- Anyway ....
- Now we'll move on to...
- Let me turn now to...
- Next...
- Turning to...
- I'd like now to discuss...
- Let's look now at...

- ✓ *Đưa ra giải thích:*
  - I mean ....
  - Such.../That..../This.....
  - Like .....
  - To put it another way....
  - For example/instance,...
  - A good example of this is...
  - As an illustration,...
  - Take ... as an example

- ✓ *Đưa ra hệ quả của vấn đề:*
  - So, .....
  - For that/this reason, .....
  - Because of that/this, .....
  - As a result, .....
  
- ✓ *Đưa ra ý kiến tương phản:*
  - Despite...
  - However,...
  - although/though/even though .....
  - That isn't always so

- ✓ *Kết thúc vấn đề:*
  - Well, I've told you about...
  - That's all I have to say about...
  - We've looked at...
  - So much for...



# CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)

A2: Đôi khi trong bài nghe, người nói cũng thể hiện một số ý nằm ngoài chủ đề của bài nghe nhằm làm người nghe mất tập trung.

## **Các cách diễn đạt thể hiện sự diễn đạt lan man, ngoài chủ đề**

Now, this won't be in the test, but it's interesting to think about.

You don't have to write this down, but consider that ...

Just as an aside, I want you all to know that ...

This is only somewhat related, but ...

It doesn't really make a difference to what we're discussing today, but don't you think that...?

Don't let this confuse you because it doesn't really apply to what we're talking about today.

This may be oversimplified, but for the purposes of today's lecture, it's really all you need to know about...

***Q3: Em không hiểu nội dung của bài nghe khi người nói đưa ra nhiều thông tin, nhắc đi nhắc lại, sau đó sửa lỗi hay do người nói nói quá nhanh?***

A1: Khác với văn viết, văn nói thường kém trang trọng hơn và có các đặc điểm như lặp lại ý, giải thích thêm, tạm dừng lại, ngắt ý, thay đổi ngữ điệu để thể hiện quan điểm. Các bài nghe trong IELTS Listening thường giữ nguyên các đặc điểm này:

### Các đặc điểm thường gặp của văn nói

	Ngắt quãng	Sửa lỗi	Nhắc lại
<b>Ví dụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sorry, ...</li> <li>• Wait, what about ...?</li> <li>• A: So you're a fresher and ...</li> </ul> <p>B: A second year, actually</p>	<p>Now, their meaning is entirely explicit – or rather, entirely implicit.</p> <p>Another difference between the two animals is that salamanders – sorry, I mean lizards – can live in a much rider environment.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• OK, this is important.</li> <li>• Let me say that again.</li> <li>• Did you get that?</li> </ul>

A2: Khi nói, người bản xứ thường có các cách nói âm để truyền đạt thông tin nhanh chóng hơn

### **Các cách nói âm phổ biến**

Who did you go to the cinema with	→	Whodja go to the cinema with?
What did you do that for?	→	Whatdja do that for?
When did you finish?	→	Whendja finish?
Where did you get those shoes?	→	Wheredja get those shoes?
How did you do in the test?	→	Howdja do in the test?
How have you been doing?	→	Howvya been doing?
Don't you like him?	→	Doncha like 'im?
Did you talk to her?	→	Didja talk to 'er?
What are you going to do?	→	Whataya gonna do?
How about this one?	→	How 'bout this one?
I'm trying to finish my homework.	→	I'm tryna finish my homework.
A lot of people were there	→	Alotta people were there.
I don't know	→	I dunno
I've got to go now	→	I've gotta go now.
Could you help me with this?	→	Couldja help me with this?

# CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)

A3: Luyện nghe các chương trình bằng tiếng Anh hàng ngày để làm quen với các đặc điểm này của văn nói trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, luyện tập và áp dụng để quen dần với các đặc điểm này.

# CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)

***Q4: Khi nghe, em không thấy có đáp án nào phù hợp, khi các từ trong câu hỏi và trong bài nghe khác nhau.***

A1: Để kiểm tra khả năng nghe hiểu của người học, bài thi IELTS thông thường sẽ không diễn đạt y nguyên hay trực tiếp trả lời câu hỏi mà đưa ra các thông tin liên quan để đánh giá khả năng xử lý thông tin của người nghe

- Thay đổi các từ khóa bằng cách sử dụng cách diễn đạt khác đồng nghĩa
- Đưa ra thông tin chung chung về một thông tin được giải thích cụ thể trong bài nghe.
- Thay đổi cách diễn đạt bằng cách chuyển từ thể chủ động sang bị động và ngược lại (e.g. *The boy hit the ball versus The ball was hit by the boy*).

Cách diễn đạt	Trong bài nghe	Câu hỏi	Các phương án trả lời
<b>Thay đổi từ khóa</b>	The Bengal tiger scampered swiftly.	How did the tiger run?	Fast Slowly
<b>Từ cụ thể sang chung chung</b>	OK, you'll just need to tell me your address, date of birth, and student ID number.	What does the secretary ask for?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Some personal information</li> <li>• A change-of-address form</li> </ul>

A2: Sử dụng phương pháp loại trừ các thông tin sau trong khi nghe:

- Các thông tin diễn đạt ý nghĩa trái ngược hoàn toàn với bài nghe.
- Các thông tin không đưa ra được câu trả lời trong câu hỏi
- Thông tin diễn đạt lại chính xác bài nghe bởi các thông tin chứa đáp án thường được paraphrase (diễn đạt bằng cách khác)